

NGHIÊN CỨU VÀ HỌC TẬP

XÂY DỰNG VĂN HÓA QUẢN TRỊ QUỐC GIA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Nguyễn Thị Kiều Sương^(*)

^(*) Thạc sĩ, Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học Huế.

Email: ngkieusuong@gmail.com

Tóm tắt: Văn hóa quản trị quốc gia hình thành qua quá trình lịch sử lâu dài, chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, như hệ thống chính trị, truyền thống văn hóa, sự phát triển kinh tế và tác động của toàn cầu hóa. Văn hóa quản trị quốc gia là yếu tố cốt lõi quyết định sự thịnh vượng và phát triển bền vững của một quốc gia. Văn hóa quản trị quốc gia đóng vai trò then chốt trong việc định hình cách thức vận hành của một đất nước, bao gồm: xây dựng thể chế vững mạnh, thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo công bằng xã hội, tạo dựng niềm tin của người dân và đảm bảo phát triển bền vững. Một mô hình quản trị hiệu quả không chỉ giúp xây dựng một nhà nước vững mạnh, mà còn nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển dài hạn trong một thế giới đầy biến động.

Từ khóa: văn hóa, quản trị, quốc gia, Việt Nam.

Ngày nhận bài: 27/01/2025; ngày phản biện: 28/01/2025; ngày sửa chữa: 25/04/2025; ngày duyệt đăng: 25/05/2025.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, sự phát triển của mọi quốc gia dân tộc đều hướng đến phát triển bền vững. Để đảm bảo phát triển bền vững, ngoài việc sử dụng các công cụ quản lý hữu hiệu với một đường lối khoa học, đúng đắn, biết tận dụng những thành tựu của khoa học - kỹ thuật, công nghệ vào quản lý, thì yếu tố thuộc về khung thể chế và lựa chọn mô

hình quản trị quốc gia phù hợp, đảm bảo tính hiện đại có vai trò quyết định. Tất cả những ưu điểm và hạn chế được bộc lộ trong sự phát triển của quốc gia mà “cội nguồn sâu xa của những vấn đề lại là vấn đề thể chế” (Hồ Sĩ Quý 2024: 10). Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (2021) khi đề ra nhiệm vụ trọng tâm phải thực hiện trong nhiệm kỳ Đại hội cũng đã chỉ rõ

các đột phá chiến lược, trong đó nhấn mạnh đến việc “đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả” (Đảng Cộng sản Việt Nam 2021: 337). Việc lựa chọn được mô hình quản trị đúng, khoa học sẽ giúp cho sự phát triển của quốc gia đi đúng hướng. Như vậy, để cho sự phát triển đó đảm bảo tính bền vững, hiệu quả, cần phải xây dựng được văn hóa quản trị quốc gia.

2. Văn hóa quản trị quốc gia: khái niệm và sự hình thành

2.1. Sự hình thành khái niệm văn hóa quản trị quốc gia

Văn hóa quản trị quốc gia là một lĩnh vực của văn hóa nên sự hình thành khái niệm văn hóa quản trị quốc gia tuân theo quy luật của văn hóa. Thuật ngữ “văn hóa quản trị quốc gia” là từ ghép của hai từ “văn hóa” và “quản trị quốc gia”. Sự phát triển của văn hóa lan tỏa, thâm nhập vào trong công tác quản trị, làm cho quản trị quốc gia trở nên có văn hóa. Đó là quá trình văn hóa quản trị và quản trị quốc gia tương tác với nhau trong sự hình thành và phát triển của mỗi quốc gia. Sự vận động tương tác giữa các khái niệm “văn hóa quản trị”, “quản trị quốc gia”, sự thâm nhập lẫn nhau giữa các nội hàm làm biến đổi các khái niệm này, bổ sung thêm nội hàm để hình thành các giá trị văn hóa, tạo nên khái niệm mới “văn

hóa quản trị quốc gia”. Điều này phản ánh sự sinh động của đời sống thực tiễn con người, như V.I.Lênin khẳng định: “những khái niệm của con người không bất động, mà luôn vận động, chuyển hóa từ cái nọ sang cái kia, tràn từ cái nọ sang cái kia, không như vậy, chúng không phản ánh đời sống sinh động” (V.I.Lênin 1981: 267). Quá trình này cũng cho thấy, nhận thức của con người phản ánh hiện thực khách quan, làm phong phú thêm sự hiểu biết của mình, dẫn tới khái niệm mới ra đời hoặc bổ sung những mặt mới, nội dung mới cho những khái niệm đã có.

Trên thế giới, thuật ngữ văn hóa quản trị (Governance Culture) được phát triển từ các nghiên cứu về quản trị công và quản trị doanh nghiệp của các nhà khoa học phương Tây. Khái niệm quản trị quốc gia (National Governance) được dùng phổ biến trong khoa học chính trị, hành chính công và quản lý nhà nước của các quốc gia hiện đại. Về nguồn gốc, văn hóa quản trị được đề cập trong học thuyết quản trị công mới (New Public Management - NPM) vào những năm 1980. Mô hình này “phản ánh bộ máy hành chính hoạt động tốt của chính phủ” (Nguyễn Tuấn Anh và cộng sự 2024: 10), thực chất đã trực tiếp nhấn mạnh đến văn hóa quản trị trong quản lý nhà nước và thuật ngữ văn hóa quản trị được ra đời từ đây.

Đến đầu những năm 1990, Ngân hàng Thế giới (World Bank) và Liên hợp quốc (UNDP) sử dụng thuật ngữ “good governance” (quản trị tốt) để đánh giá sự phát triển của các quốc gia, qua đó khái niệm văn hóa quản trị được đề cập. Cùng thời điểm vào những năm 1980, 1990, trong nghiên cứu của mình, các học giả như Francis Fukuyama¹, Douglass North², và Elinor Ostrom³ cũng đề cập đến vai trò của thể chế và văn hóa trong quản trị quốc gia. Đó là những tiền đề lý luận quan trọng, cần thiết dẫn đến ra đời khái niệm văn hóa quản trị quốc gia hiện nay.

Văn hóa quản trị quốc gia đóng vai trò then chốt trong việc định hình cách thức vận hành của một đất nước. Văn hóa quản trị quốc gia góp phần xây dựng thể chế vững mạnh để định hình hệ thống luật pháp, chính sách công và tổ chức bộ máy nhà nước; thúc đẩy phát triển kinh tế để tạo môi trường thuận lợi cho kinh doanh, đầu tư và đổi mới sáng tạo. Đồng thời, đảm bảo công bằng xã hội trong việc phân bổ nguồn lực hợp lý, thu hẹp khoảng cách giàu nghèo và tạo dựng niềm tin của người dân bằng một hệ thống quản trị minh bạch, hiệu quả, sẽ giúp tăng cường sự tin tưởng vào chính quyền. Bên cạnh đó, văn hóa quản trị quốc gia đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng phát triển bền vững, góp phần thúc đẩy sự phát

triển hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay, văn hóa quản trị quốc gia càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Văn hóa quản trị quốc gia sẽ giúp cho quốc gia thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của thế giới. Có văn hóa quản trị, chính phủ sẽ trở nên linh hoạt trong các chính sách để ứng phó kịp thời với những thách thức, như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, xung đột toàn cầu. Nhờ đó, Chính phủ có thể tận dụng công nghệ số để nâng cao hiệu quả quản lý, giảm thủ tục hành chính, tăng tính minh bạch trong hoạt động quản trị. Đồng thời, một nền quản trị dựa trên văn hóa vững mạnh sẽ thu hút sự tham gia của người dân, qua đó phát huy vai trò giám sát, phản biện và đồng hành của cộng đồng trong sự nghiệp phát triển đất nước; đảm bảo ổn định và an sinh xã hội, giữ vững trật tự,

¹ Francis Fukuyama: sinh năm 1952, người Mỹ gốc Nhật là giáo sư Kinh tế chính trị Quốc tế của phân khoa nghiên cứu Quốc tế cao cấp thuộc Đại học Johns Hopkins.

² Douglass Cecil North (sinh ngày 5 tháng 11 năm 1920) là một nhà kinh tế người Mỹ.

³ Elinor Ostrom (1933 - 2012) là giáo sư khoa học chính trị của Đại học Indiana cơ sở Bloomington. Bà được công nhận là nhà nghiên cứu hàng đầu trong lĩnh vực quản lý các nguồn lực công cộng.

nâng cao chất lượng cuộc sống và bảo vệ quyền lợi chính đáng của công dân. Có thể khẳng định rằng, văn hóa quản trị quốc gia là yếu tố cốt lõi quyết định sự thịnh vượng và phát triển bền vững của một quốc gia. Một mô hình quản trị hiệu quả không chỉ giúp xây dựng một nhà nước vững mạnh, mà còn nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài trong một thế giới đầy biến động.

2.2. Khái niệm văn hóa quản trị quốc gia

Trong quá trình đổi mới, thực hiện quản lý phát triển xã hội, chúng ta đang từng bước hình thành văn hóa quản trị quốc gia. Văn hóa quản trị quốc gia bao hàm văn hóa chính trị, văn hóa lãnh đạo, văn hóa quản lý, văn hóa quản lý phát triển xã hội. Cũng giống như văn hóa chính trị, văn hóa pháp luật, văn hóa dân chủ,... văn hóa quản trị quốc gia là một loại hình của văn hóa nói lên trình độ nhận thức và năng lực sáng tạo trong quản trị quốc gia hướng tới phát triển bền vững.

Văn hóa quản trị quốc gia là tập hợp các giá trị, chuẩn mực, nguyên tắc và thực tiễn quản lý nhà nước được hình thành và phát triển trong quá trình điều hành quốc gia. Nó phản ánh cách thức mà một quốc gia tổ chức, quản lý và lãnh đạo xã hội nhằm đạt được sự phát triển bền vững, ổn định và công bằng.

Các yếu tố cấu thành văn hóa quản trị quốc gia gồm có: hệ tư tưởng và triết lý quản trị; các giá trị cốt lõi về quyền lực, dân chủ, pháp quyền và trách nhiệm xã hội; thể chế và cơ chế vận hành quản trị của quốc gia như hiến pháp, pháp luật, chính sách, cơ cấu tổ chức của chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước; phong cách lãnh đạo và quản lý, cách thức các nhà lãnh đạo điều hành đất nước, ra quyết định và thực thi chính sách; sự tham gia của người dân và xã hội. Văn hóa quản trị tốt sẽ khuyến khích được sự tham gia của người dân vào các quyết sách công của nhà nước; ngược lại, nếu không có văn hóa quản trị tốt thì sẽ làm cho người dân thờ ơ, thậm chí quay lưng với các quyết sách của chính phủ. Văn hóa quản trị quốc gia không chỉ dừng lại ở khía cạnh lý thuyết, mà còn được thể hiện qua cách thức mà chính phủ vận hành, thực thi chính sách và đáp ứng nhu cầu chính đáng của nhân dân.

Từ những phân tích trên, chúng tôi định nghĩa văn hóa quản trị quốc gia như sau: *Văn hóa quản trị quốc gia được hiểu là tổng hợp những giá trị vật chất và tinh thần được hình thành trong lịch sử phát triển của nhân loại với những tư tưởng và thực tiễn quản trị. Nó là cái góp phần chi phối, thúc đẩy hoạt động quản trị quốc gia của các cá nhân, các chính khách, chính trị gia,*

nhà quản lý và nhân dân tham gia vào hoạt động quản lý để định hướng cho các hoạt động đó hướng đến giá trị phát triển bền vững, ổn định. Văn hóa quản trị góp phần định hướng mục tiêu quản trị của các quốc gia, các đảng cầm quyền và các tổ chức chính trị - xã hội.

Ở Việt Nam hiện nay, chúng ta xây dựng văn hóa quản trị quốc gia gắn liền với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; vì vậy, cần phải giáo dục, tuyên truyền quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước về quản trị quốc gia, quản lý phát triển xã hội rộng rãi trong nhân dân. Việc tuyên truyền, giáo dục văn hóa quản trị làm cho quan điểm, đường lối quản trị quốc gia thâm nhập vào trong đời sống xã hội, đời sống nhân dân, nhất là cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý. Trong hoạt động hàng ngày, cần chú trọng nâng cao trình độ quản trị và năng lực quản lý cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng như nhân dân, nhằm thúc đẩy sự tham gia tích cực, chủ động và sáng tạo của họ vào hoạt động quản trị và điều hành xã hội.

Nhà nước có vai trò quan trọng trong việc tổ chức và quản lý xã hội nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững, công bằng và ổn định. Để thực hiện tốt vai trò này, việc hoàn thiện chức năng nhà nước cần gắn liền với việc xây dựng

một nền văn hóa quản trị quốc gia tiên tiến, minh bạch và hiệu quả. Văn hóa quản trị quốc gia không chỉ phản ánh phương thức lãnh đạo, điều hành, mà còn tác động trực tiếp đến chất lượng dịch vụ công và niềm tin của nhân dân vào chính quyền.

Văn hóa quản trị quốc gia bao gồm các giá trị, nguyên tắc và cách thức mà Nhà nước sử dụng để điều hành xã hội. Xây dựng văn hóa quản trị quốc gia luôn gắn liền với xây dựng bộ máy nhà nước minh bạch, chuyên nghiệp, đề cao trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước. Nguyên tắc của văn hóa quản trị quốc gia là việc Nhà nước phải xây dựng cơ chế trách nhiệm giải trình rõ ràng, thiết lập các quy định và quy trình giám sát chặt chẽ để đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Cần có các biện pháp, chế tài đủ mạnh để xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng, lạm quyền, bao gồm tăng cường cơ chế kiểm toán độc lập, điều tra nội bộ và sự tham gia của các tổ chức xã hội trong giám sát quyền lực. Đồng thời, cần đẩy mạnh việc ứng dụng những thành tựu của khoa học - công nghệ trong theo dõi và đánh giá hiệu suất làm việc của các quan chức, đảm bảo mọi quyết định và hành động của chính quyền được công khai, minh bạch và có thể kiểm chứng.

Văn hóa quản trị quốc gia góp phần

nâng cao hiệu quả thực hiện chức năng nhà nước, đặc biệt khi chú trọng xây dựng phong cách lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong các cơ quan quyền lực nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Trong bối cảnh chuyển đổi từ mô hình quản trị truyền thống sang quản trị hiện đại ở Việt Nam hiện nay, việc ứng dụng công nghệ số vào điều hành và quản lý nhà nước trở thành một yêu cầu tất yếu. Bên cạnh đó, Nhà nước luôn khuyến khích, thúc đẩy sự tham gia *tích cực, tự giác* của người dân vào việc thực hiện các chức năng quản trị của nhà nước, đặc biệt là trong việc ra quyết định và đối thoại chính sách. Việc hoàn thiện chức năng nhà nước không chỉ dừng lại ở việc cải thiện cơ chế vận hành, mà còn đòi hỏi sự kết hợp chặt chẽ với việc xây dựng một nền văn hóa quản trị quốc gia tiên tiến, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. Một hệ thống quản trị hiệu quả, minh bạch và dân chủ sẽ giúp nâng cao niềm tin của người dân vào chính quyền, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và củng cố vị thế quốc gia trên trường quốc tế, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Văn hóa quản trị quốc gia là hệ thống các giá trị, chuẩn mực, nguyên tắc và phương thức quản lý của một quốc gia nhằm đảm bảo sự vận hành hiệu quả của bộ máy nhà nước và phát triển bền vững

xã hội. Văn hóa quản trị không chỉ phản ánh đặc điểm chính trị, kinh tế, mà còn thể hiện bản sắc văn hóa của dân tộc. Một nền quản trị hiệu quả không chỉ dựa vào luật pháp, mà còn phụ thuộc vào các giá trị đạo đức, sự minh bạch và trách nhiệm của đội ngũ lãnh đạo cũng như sự tham gia tích cực, tự giác của người dân. Muốn vậy, phải đưa văn hóa quản trị quốc gia vào giữa xã hội giống như mong muốn của Hồ Chí Minh “đưa chính trị vào giữa dân gian” (Hồ Chí Minh 2011a: 338).

Văn hóa quản trị quốc gia thể hiện qua các yếu tố, như hệ thống pháp luật, chính sách công, tính minh bạch và khả năng thực thi hiệu quả của cơ quan nhà nước. Một quốc gia có văn hóa quản trị tốt sẽ tạo dựng được lòng tin của nhân dân, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao vị thế của mình trên trường quốc tế.

3. Thực trạng văn hóa quản trị quốc gia ở Việt Nam hiện nay

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng trong việc xây dựng văn hóa quản trị quốc gia với các giá trị cốt lõi, như dân chủ, pháp quyền, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Chúng ta đã đạt được những thành tựu quan trọng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa, văn hóa chính trị, văn hóa đạo đức... Mặc dù trong các văn kiện, Đảng Cộng sản Việt Nam chưa đề cập trực tiếp đến khái niệm văn hóa quản trị quốc gia, song những nội dung liên quan đến khái niệm quản trị quốc gia, văn hóa chính trị, văn hóa đạo đức, phong cách lãnh đạo, quản lý, v.v., đều hàm chứa nội hàm của khái niệm văn hóa quản trị quốc gia. Trên thực tế, Đảng ta đã chủ trương triển khai nhiều chính sách như cải cách hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường kiểm soát quyền lực và bước đầu đạt được những kết quả tích cực. Các chính sách này đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người dân cũng như doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh. Chính phủ Việt Nam cũng đã có nhiều nỗ lực trong việc tăng cường trách nhiệm giải trình, thu hút sự tham gia của các tổ chức xã hội và người dân vào quá trình hoạch định chính sách. Điều này đã tạo ra một mô hình văn hóa quản trị quốc gia đặc sắc của Việt Nam, “không có mâu thuẫn, đối lập giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân” (Trần Văn Phòng 2024: 13), mà thống nhất với nhau về mục tiêu và lợi ích. Tuy nhiên, cùng với những thành tựu đạt được, trong quản trị quốc gia ở Việt Nam hiện nay vẫn còn tồn tại những thách thức như sau:

Thứ nhất, việc giải quyết thủ tục

hành chính vẫn còn phức tạp. Nhiều quy trình thủ tục hành chính còn rườm rà, thời gian xử lý kéo dài và chưa được đồng bộ hóa trên phạm vi cả nước, gây khó khăn đáng kể cho doanh nghiệp và người dân trong việc thực hiện các giao dịch hành chính. Nhiều thủ tục vẫn còn mang tính thủ công, yêu cầu nhiều loại giấy tờ không cần thiết, làm gia tăng chi phí tuân thủ và thời gian xử lý hồ sơ. Mặc dù Chính phủ đã có nhiều nỗ lực trong việc cải cách hành chính, nhưng mức độ thực thi chưa đồng đều giữa các địa phương, dẫn đến sự chênh lệch về mức độ thuận lợi trong việc tiếp cận dịch vụ hành chính công.

Thứ hai, phong cách làm việc của một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý vẫn còn tình trạng quan liêu, *tham nhũng.* Đây là một trong những rào cản lớn đối với hiệu quả quản trị quốc gia. Quan liêu thể hiện qua các thủ tục hành chính rườm rà, thiếu linh hoạt và cản trở sự phát triển của doanh nghiệp cũng như đời sống người dân. Đồng thời, tham nhũng làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào bộ máy nhà nước, gây thất thoát tài sản công và làm méo mó các chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Để khắc phục tình trạng này, cần có các biện pháp mạnh mẽ như tăng cường minh bạch, trách nhiệm giải trình và cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ nhằm giảm thiểu cơ hội trục lợi cá nhân và

thúc đẩy một nền quản trị công hiệu quả.

Thứ ba, chất lượng nguồn nhân lực trong bộ máy hành chính chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế, do còn tồn tại nhiều bất cập trong đào tạo, tuyển dụng và đánh giá năng lực. Một bộ phận cán bộ, công chức chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng quản lý hiện đại, tư duy đổi mới sáng tạo và khả năng thích ứng với công nghệ số. Cơ chế tuyển dụng và bổ nhiệm đôi khi còn nặng tính hình thức, chưa thực sự dựa trên năng lực thực tế. Bên cạnh đó, chính sách đãi ngộ chưa đủ hấp dẫn để thu hút nhân tài, dẫn đến tình trạng chảy máu chất xám trong khu vực công. Để khắc phục vấn đề này, cần đẩy mạnh cải cách giáo dục và đào tạo trong lĩnh vực hành chính công, áp dụng các phương thức đánh giá minh bạch và hiệu quả hơn, đồng thời cải thiện điều kiện làm việc và môi trường phát triển nghề nghiệp cho cán bộ, công chức.

Thứ tư, sự tham gia của người dân trong quản lý nhà nước còn hạn chế, phản ánh sự bất cập trong việc thiết lập cơ chế tham vấn và tiếp nhận phản hồi từ công chúng. Việc người dân đóng góp ý kiến vào quá trình hoạch định chính sách và giám sát hoạt động của chính quyền chưa được thể chế hóa một cách đầy đủ và hiệu quả. Trong nhiều trường hợp, các kênh tương tác giữa chính quyền và nhân dân còn mang tính

hình thức, chưa thực sự phát huy vai trò của công dân như một chủ thể giám sát và đồng kiến tạo chính sách. Những bất cập này yêu cầu cần thiết phải lập một hệ thống phản hồi chính sách minh bạch, khuyến khích đối thoại công khai giữa chính quyền và nhân dân để giải quyết những hạn chế bất cập trên. Việc áp dụng công nghệ số vào hoạt động quản lý nhà nước có thể giúp tạo ra các nền tảng dân chủ điện tử, nơi người dân có thể trực tiếp bày tỏ quan điểm, tham gia vào các cuộc trưng cầu dân ý và theo dõi tiến trình thực hiện chính sách. Ngoài ra, cần có những cơ chế đảm bảo rằng ý kiến của người dân không chỉ được tiếp nhận, mà còn được phản hồi và xem xét một cách nghiêm túc, từ đó thúc đẩy sự đồng thuận xã hội và nâng cao chất lượng quản trị quốc gia.

Thứ năm, ứng dụng công nghệ số trong quản trị chưa đồng bộ, gây khó khăn trong việc cải cách hành chính và minh bạch thông tin. Nhiều cơ quan nhà nước vẫn sử dụng các hệ thống quản lý cũ, chưa tích hợp dữ liệu và chưa tối ưu hóa các quy trình làm việc. Việc triển khai chính phủ điện tử còn gặp nhiều hạn chế do sự thiếu đồng bộ giữa các bộ, ngành và địa phương. Hơn nữa, hạ tầng công nghệ thông tin chưa phát triển đồng đều, làm ảnh hưởng đến khả năng truy cập dịch vụ công trực tuyến của người dân, đặc biệt là ở khu vực

nông thôn và miền núi. Để xây dựng văn hóa quản trị, cần có một chiến lược tổng thể về chuyển đổi số trong quản trị nhà nước, trong đó ưu tiên xây dựng hệ thống dữ liệu liên thông, đảm bảo an toàn thông tin và nâng cao năng lực số của đội ngũ cán bộ, công chức. Đồng thời, cần đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và blockchain để tối ưu hóa các quy trình hành chính, tăng cường tính minh bạch và giảm thiểu thủ tục giấy tờ rườm rà.

4. Giải pháp xây dựng văn hóa quản trị quốc gia hiệu quả ở Việt Nam hiện nay

Xây dựng văn hóa quản trị quốc gia là hướng đến xây dựng bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả” (Phạm Thị Thanh Trà 2025: 89). Trong xây dựng văn hóa quản trị quốc gia, yếu tố sáng tạo được đặt lên hàng đầu. Chính vì vậy, “sáng tạo thể chế quản trị xã hội chính là cần thực hiện sự tương tác tích cực giữa chính phủ quản lý và xã hội điều tiết, người dân tự quản lý, hình thành cục diện chính phủ, doanh nghiệp, xã hội cùng quản trị” (Hội đồng Lý luận Trung ương 2015: 48). Phải xem mô hình này là một xu thế quản trị quốc gia mới. Để nâng cao chất lượng văn hóa quản trị quốc gia, Việt Nam cần tập trung vào một số giải pháp sau:

4.1. Xây dựng một hệ thống pháp

luật chặt chẽ, đảm bảo tính minh bạch, công bằng và khả thi

Hệ thống pháp luật không chỉ định hướng sự phát triển của đất nước, mà còn là nền tảng để thực hiện các chính sách quản trị hiệu quả. Việc hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và tăng cường sự giám sát của nhân dân sẽ góp phần giảm thiểu tệ nạn tham nhũng và nâng cao trách nhiệm giải trình. Tiến hành đổi mới phương thức quản trị là một yếu tố quan trọng tạo nên quản trị quốc gia chặt chẽ, khoa học, tiến bộ. Chính phủ cần thúc đẩy mạnh mẽ việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước, xây dựng hệ thống chính phủ điện tử và chính phủ số nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, đồng thời tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc tiếp cận các dịch vụ hành chính công. Để thực sự công việc quản trị quốc gia đạt đến trình độ chất lượng cao, nhiệm vụ trước hết được đặt lên hàng đầu là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, đảm bảo cho họ có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý và tinh thần trách nhiệm đúng như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “bất kỳ ai, ở địa vị nào, làm công tác gì, gặp hoàn cảnh nào, đều *phải có tinh thần trách nhiệm*. Tinh thần trách nhiệm là: *nắm vững chính sách, đi đúng đường lối quần chúng, làm tròn nhiệm vụ*” (Hồ

Chí Minh 2011b: 249). Vì vậy, trong công tác đào tạo, tuyển dụng và đãi ngộ nhân tài, cần phải dựa trên các tiêu chí minh bạch, cạnh tranh và phù hợp với nhu cầu phát triển của đất nước, chỉ khi đó mới phát huy tốt tinh thần trách nhiệm của cán bộ.

Một nền quản trị quốc gia hiệu quả không thể thiếu sự tham gia tích cực của người dân. Do đó, cần thiết lập các cơ chế giúp người dân dễ dàng tiếp cận thông tin, đóng góp ý kiến và giám sát hoạt động của chính quyền. Đồng thời, việc đẩy mạnh truyền thông, giáo dục về văn hóa quản trị cũng sẽ giúp nâng cao nhận thức của toàn xã hội về trách nhiệm công dân.

Cuối cùng, hợp tác quốc tế cũng đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng quản trị quốc gia. Việt Nam cần tích cực học hỏi các mô hình quản trị tiên tiến, tham gia các tổ chức quốc tế và hợp tác với các đối tác nước ngoài để tiếp cận các công nghệ, kinh nghiệm quản trị hiện đại.

Xây dựng một hệ thống pháp luật vững chắc là nền tảng quan trọng để bảo đảm một nền quản trị quốc gia hiệu quả, minh bạch và công bằng. Pháp luật không chỉ là công cụ điều chỉnh quan hệ xã hội, mà còn là thước đo của sự phát triển và tiến bộ của một quốc gia. Để đạt được điều này, cần thực hiện các biện pháp sau:

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng công khai, minh bạch, đảm bảo tính nhất quán và đồng bộ giữa các cấp, các ngành. Cần có cơ chế rà soát, sửa đổi và bổ sung kịp thời để phù hợp với thực tiễn, tránh tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn trong hệ thống văn bản pháp luật. Đồng thời, việc tăng cường công khai các dự thảo luật, chính sách trên các nền tảng trực tuyến sẽ giúp người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội có cơ hội đóng góp ý kiến một cách hiệu quả, từ đó nâng cao tính dân chủ và trách nhiệm giải trình trong quá trình lập pháp. Cần tiến hành một cuộc rà soát tổng thể các văn bản pháp luật hiện hành để phát hiện và loại bỏ sự chồng chéo, mâu thuẫn, đồng thời đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ trong hệ thống pháp luật. Việc công khai rộng rãi các dự thảo luật, nghị định và chính sách mới trên các nền tảng trực tuyến sẽ tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội tham gia đóng góp ý kiến một cách kịp thời và hiệu quả. Bên cạnh đó, cần xây dựng cơ chế phản hồi công khai, trong đó chính quyền có trách nhiệm giải trình rõ ràng về việc tiếp thu hoặc không tiếp thu các ý kiến đóng góp, nhằm tăng cường tính minh bạch, dân chủ trong quá trình lập pháp. Đồng thời, đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ số trong quy trình ban hành và thực thi pháp luật để nâng cao khả năng tiếp cận của người dân và đảm

bảo tính minh bạch trong hoạt động quản lý nhà nước.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và tăng cường giám sát của nhân dân. Để bảo đảm tính nghiêm minh và hiệu quả của pháp luật, cần thiết lập một hệ thống thực thi đồng bộ, rõ ràng và khả thi, tránh tình trạng luật pháp chỉ tồn tại trên giấy tờ. Các cơ quan tư pháp phải được bảo đảm hoạt động một cách độc lập, không chịu sự chi phối của các lợi ích nhóm hay áp lực chính trị, đồng thời phải được trang bị đầy đủ nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ của mình một cách công bằng và khách quan. Việc tăng cường cơ chế giám sát không chỉ đến từ các cơ quan nhà nước, mà còn cần có sự tham gia tích cực của người dân, các tổ chức xã hội, báo chí và các cơ quan nghiên cứu độc lập. Cơ chế này cần bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, quyền phản biện và quyền yêu cầu giải trình một cách minh bạch, qua đó nâng cao trách nhiệm của các cơ quan thực thi pháp luật, đồng thời tăng cường niềm tin của nhân dân vào hệ thống pháp lý.

Thứ ba, xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực để hạn chế tham nhũng và lợi ích nhóm. Một hệ thống kiểm soát quyền lực chặt chẽ sẽ giúp ngăn chặn tình trạng lạm quyền, đồng thời nâng cao trách nhiệm của các quan chức nhà

nước. Cần có các chế tài nghiêm khắc đối với hành vi tham nhũng, lạm quyền và trục lợi cá nhân.

Thứ tư, phát huy vai trò của Quốc hội và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc giám sát hoạt động của Chính phủ. Quốc hội cần đẩy mạnh chức năng lập pháp và giám sát, bảo đảm rằng mọi chính sách và quyết định của Chính phủ đều tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. Các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và người dân cần có quyền tiếp cận thông tin để thực hiện vai trò giám sát đối với các cơ quan công quyền.

Thứ năm, cải cách hệ thống tư pháp, bảo đảm tính độc lập và công bằng. Cần có các biện pháp để cải cách hệ thống tư pháp nhằm đảm bảo tính độc lập của tòa án, giúp giảm thiểu các can thiệp không phù hợp vào quá trình xét xử. Đồng thời, phải đảm bảo rằng mọi công dân đều được tiếp cận công lý một cách bình đẳng, không có sự phân biệt đối xử. Nhìn chung, một hệ thống pháp luật vững chắc không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, mà còn củng cố lòng tin của người dân vào nhà nước, tạo điều kiện để phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

4.2. Đổi mới phương thức quản trị quốc gia

Trong quá trình thúc đẩy sự quản trị quốc gia, đổi mới phương thức quản trị

là yếu tố quyết định đến sự hình thành văn hóa quản trị. Tuy nhiên, đổi mới phải dựa trên sự “dẫn dắt giá trị với các phương thức quản trị khác, quản trị xã hội mới có kết quả tốt” (Hội đồng Lý luận Trung ương 2015: 161). Từ quan điểm này, đổi mới phương thức quản trị quốc gia phải hướng vào các nội dung chủ yếu như sau:

Thứ nhất, phải áp dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật của nhân loại vào quản trị quốc gia một cách có hiệu quả, như ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo vào quản lý nhà nước. Điều này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả điều hành, mà còn thúc đẩy sự minh bạch, giảm thiểu tham nhũng và tối ưu hóa quy trình ra quyết định. Công nghệ số tạo điều kiện cho việc số hóa dữ liệu, tích hợp hệ thống quản lý và cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ hành chính công của người dân. Trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ phân tích dữ liệu lớn, dự báo xu hướng và đưa ra những đề xuất chính sách chính xác hơn. Việc áp dụng các công nghệ tiên tiến vào quản lý nhà nước cần đi đôi với nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, đảm bảo an toàn thông tin và xây dựng hành lang pháp lý phù hợp để tận dụng tối đa lợi ích mà công nghệ mang lại.

Thứ hai, xây dựng chính phủ điện tử và chính phủ số không chỉ là một bước

tiến quan trọng trong quá trình hiện đại hóa nền hành chính công, mà còn là động lực thúc đẩy hiệu quả điều hành và quản trị quốc gia. Việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước giúp nâng cao tính minh bạch, giảm thiểu thủ tục hành chính rườm rà và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận các dịch vụ công một cách nhanh chóng, tiện lợi. Hơn nữa, chính phủ điện tử còn đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông, giúp tối ưu hóa quy trình ra quyết định dựa trên dữ liệu, đồng thời nâng cao khả năng phản ứng nhanh trước các tình huống khẩn cấp. Để đạt được mục tiêu này, cần có chiến lược đầu tư hợp lý vào hạ tầng công nghệ thông tin, đào tạo nguồn nhân lực số và hoàn thiện khung pháp lý nhằm bảo đảm an toàn thông tin, quyền riêng tư và khả năng tương tác giữa các hệ thống quản trị công.

Thứ ba, phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong giao dịch hành chính. Nhà nước phải có kế hoạch, lên lộ trình tích hợp và kết nối dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia đồng bộ, liên thông giữa các bộ, ngành, địa phương. Kết nối với các hệ thống quản lý chuyên ngành như bảo hiểm xã hội, thuế, đăng ký kinh doanh, đất đai, hộ

tịch... Đồng thời, tiến hành cải cách hành chính, giảm số lượng các loại giấy tờ hành chính không cần thiết, đơn giản hóa các thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Người dân và doanh nghiệp không cần phải cung cấp lại thông tin nhiều lần khi thực hiện các thủ tục hành chính. Cơ quan nhà nước có thể tra cứu, xác thực thông tin nhanh chóng, giảm bớt các yêu cầu về hồ sơ giấy. Xây dựng dịch vụ công quốc gia và các nền tảng trực tuyến để mọi hoạt động hành chính phải được thực hiện trên dịch vụ công trực tuyến. Người dân, doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ, theo dõi kết quả xử lý mà không cần đến trực tiếp cơ quan nhà nước. Hệ thống dữ liệu số giúp quản lý, giám sát giao dịch hành chính một cách minh bạch, hạn chế những nhiễu, tiêu cực. Cung cấp thông tin rõ ràng, giúp người dân và doanh nghiệp dễ dàng kiểm tra, đối chiếu. Việc phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia là một bước tiến quan trọng trong chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời mang lại lợi ích thiết thực cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ tư, đẩy mạnh cải cách thể chế, nhất là thể chế hành chính theo hướng tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và giảm thủ tục hành chính rườm rà. Đây là một nhu cầu và khát vọng vươn lên của Việt Nam được các học giả tán

thành cao và kỳ vọng vào “một sự phát triển bứt phá nhờ cải cách thể chế” (Hồ Sĩ Quý 2024: 11). Cải cách thể chế hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, việc tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực và hiệu quả của nền hành chính công là yêu cầu cấp thiết. Một trong những mục tiêu quan trọng của cải cách hành chính là tinh gọn bộ máy, giảm bớt các tầng nấc trung gian không cần thiết. Điều này giúp nâng cao tính linh hoạt, giảm sự chồng chéo trong chức năng và nhiệm vụ giữa các cơ quan nhà nước. Việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức đi đôi với ứng dụng công nghệ số giúp giảm nhân lực nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả quản lý. Hệ thống hành chính phải hoạt động với hiệu suất cao, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Để làm được điều này, các cơ quan hành chính cần đổi mới phương thức làm việc, áp dụng các công cụ số hóa, trí tuệ nhân tạo trong quản lý và giải quyết thủ tục. Đào tạo, bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức cũng là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ. Hiệu lực của nền hành chính thể hiện qua việc các chính sách, quy định được

thực hiện nghiêm túc và có tính ràng buộc cao. Để đạt được điều này, các cơ quan quản lý cần tăng cường kiểm tra, giám sát quá trình thực thi chính sách, đảm bảo tính công bằng, minh bạch. Hệ thống dữ liệu quốc gia và chính phủ điện tử giúp giám sát tốt hơn, hạn chế tình trạng quan liêu, tham nhũng. Cải cách thủ tục hành chính là trọng tâm nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Việc cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục không cần thiết giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và hạn chế tình trạng nhũng nhiễu. Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, tích hợp dữ liệu liên thông giữa các cơ quan giúp giảm bớt giấy tờ, hạn chế yêu cầu cung cấp lại thông tin nhiều lần. Mục tiêu cuối cùng của cải cách hành chính là xây dựng một nền hành chính chuyên nghiệp, minh bạch và lấy người dân làm trung tâm. Khi thủ tục hành chính được rút gọn, bộ máy tinh giản và hiệu quả, niềm tin của người dân vào chính quyền sẽ được củng cố, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.

4.3. Phát huy vai trò của đội ngũ cán bộ, công chức

Cần tăng cường đào tạo, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức và năng lực quản lý cho cán bộ, công chức. Việc nâng cao phẩm chất đạo đức và năng lực quản lý

cho cán bộ, công chức đóng vai trò quan trọng trong xây dựng một nền hành chính chuyên nghiệp, hiệu quả, phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp. Để thực hiện mục tiêu này, cần triển khai đồng bộ các biện pháp, như đào tạo về tư tưởng, đạo đức công vụ cho cán bộ lãnh đạo, quản lý và thực thi công vụ. Tổ chức các khóa học về đạo đức công vụ, trách nhiệm nghề nghiệp, nâng cao ý thức phục vụ nhân dân. Tích hợp nội dung về liêm chính, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm vào chương trình đào tạo. Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá phẩm chất đạo đức của cán bộ, công chức trong quá trình công tác.

Xây dựng kế hoạch và lộ trình bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý như, tăng cường đào tạo về kỹ năng quản lý, lãnh đạo, ra quyết định, điều hành công việc hiệu quả. Mở các lớp bồi dưỡng chuyên đề về cải cách hành chính, quản trị công, chính phủ điện tử và chuyển đổi số. Học tập kinh nghiệm từ các mô hình quản lý hành chính tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Tiến hành đào tạo cán bộ chuyên sâu theo lĩnh vực, bồi dưỡng theo chuyên môn, như tài chính, kế toán, xây dựng chính sách, pháp luật... Thường xuyên cập nhật kiến thức mới về quản lý công, công nghệ thông tin, dữ liệu số nhằm nâng cao năng lực giải quyết công việc.

Khuyến khích tự học, tự bồi dưỡng thông qua các tài liệu, khóa học trực tuyến. Ứng dụng công nghệ trong đào tạo và xây dựng hệ thống học tập trực tuyến để cán bộ, công chức có thể dễ dàng tiếp cận kiến thức. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn (Big Data) để cá nhân hóa chương trình đào tạo theo nhu cầu. Triển khai các mô hình học tập tương tác, như mô phỏng tình huống thực tế, thực hành qua các bài tập tình huống.

Cuối cùng, cần có chính sách đánh giá, giám sát và khen thưởng như xây dựng hệ thống đánh giá năng lực cán bộ, công chức dựa trên kết quả thực tế, không chỉ dựa vào bằng cấp. Có cơ chế khen thưởng, khuyến khích cán bộ có thành tích xuất sắc trong công tác và học tập. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm đạo đức công vụ, thiếu trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ. Xây dựng quy trình tuyển dụng minh bạch, cạnh tranh nhằm nâng cao chất lượng nhân sự trong bộ máy nhà nước. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức không chỉ giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính, mà còn tạo dựng niềm tin của người dân vào chính quyền, góp phần xây dựng một nền hành chính công minh bạch, hiện đại và hiệu quả.

4.4. Hợp tác quốc tế trong quản trị quốc gia

Cần học hỏi mô hình quản trị tiên tiến từ các quốc gia phát triển. Việc học hỏi mô hình quản trị tiên tiến từ các quốc gia phát triển giúp nâng cao hiệu quả điều hành của Chính phủ, cải cách hành chính và phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn. Để thực hiện điều này, cần có chiến lược tiếp cận bài bản và phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam. Trước hết, cần phải tiến hành nghiên cứu, đánh giá các mô hình thành công của các nước phát triển như Singapore, Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, Đức, Pháp... Phân tích những yếu tố thành công, bài học kinh nghiệm từ các quốc gia có hệ thống hành chính tiên tiến. Đánh giá mức độ phù hợp với điều kiện chính trị, kinh tế, văn hóa của Việt Nam trước khi áp dụng. Đẩy mạnh việc tham gia hợp tác quốc tế và trao đổi chuyên gia. Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, như Liên hợp quốc, Ngân hàng Thế giới (WB), Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) để tiếp cận mô hình quản lý hiện đại. Tổ chức các chương trình trao đổi chuyên gia, đào tạo cán bộ tại các nước có nền hành chính tiên tiến. Khuyến khích cán bộ, công chức tham gia các hội nghị, hội thảo quốc tế về cải cách hành chính và quản trị công. Thực hiện thí điểm trước khi mở rộng

bằng việc thử nghiệm mô hình tiên tiến trong một số lĩnh vực hoặc địa phương trước khi triển khai trên phạm vi toàn quốc. Học hỏi mô hình quản trị tiên tiến từ các nước phát triển không có nghĩa là sao chép nguyên bản mà cần chọn lọc, điều chỉnh để phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam. Việc áp dụng linh hoạt các mô hình hiệu quả sẽ giúp nâng cao chất lượng quản lý nhà nước, cải thiện dịch vụ công và thúc đẩy phát triển bền vững.

5. Kết luận

Xây dựng văn hóa quản trị quốc gia là yếu tố then chốt để Việt Nam phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Việc cải cách hành chính, nâng cao chất lượng cán bộ, thúc đẩy minh bạch và trách nhiệm sẽ giúp Việt Nam tiến gần hơn đến mô hình quản trị hiện đại, hiệu quả và đáp ứng kỳ vọng của nhân dân. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp 4.0, việc xây dựng một nền quản trị quốc gia tiên tiến, linh hoạt và minh bạch sẽ tạo điều kiện thuận lợi để Việt Nam vươn xa trên trường quốc tế, đảm bảo sự phát triển bền vững và nâng cao đời sống nhân dân./.

Tài liệu trích dẫn

1. Nguyễn Tuấn Anh, Lê Thị Minh Thảo. 2024. *Phát triển xã hội và một số mô hình quản lý phát triển xã hội, quản*

trị phát triển xã hội. Số 10. Hà Nội: Tạp chí Triết học.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Tập II. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

3. Hội đồng Lý luận Trung ương. 2015. *Phát triển và sáng tạo quản trị xã hội: kinh nghiệm Trung Quốc, kinh nghiệm Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật.

4. V.I.Lênin. 1981. *Toàn tập*. Tập 29. Mátxcova: Nxb. Tiến bộ.

5. Hồ Chí Minh. 2011a. *Toàn tập*. Tập 5. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

6. Hồ Chí Minh. 2011b. *Toàn tập*. Tập 7. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

7. Trần Văn Phòng. 2024. *Mô hình quản lý phát triển xã hội trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền như Việt Nam*. Số 9. Hà Nội: Tạp chí Triết học.

8. Hồ Sĩ Quý. 2024. *Vấn đề thể chế và phân cấp quản lý trong quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay*. Số 8. Hà Nội: Tạp chí Triết học.

9. Phạm Thị Thanh Trà. 2025. *Đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả” theo tinh thần định hướng của đồng chí GS.TS. Tổng Bí thư Tô Lâm*. Số 1. Hà Nội: Tạp chí Cộng sản.